

Số: 3805 /CV-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Mai Thị Bích Phượng, Khoa Dược, Điện thoại: 091 2605695.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 06 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục Vật tư y tế:

(Chi tiết danh mục tại phụ lục 1 đính kèm)

- Địa điểm cung cấp: Kho Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trừ.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị gửi báo giá theo mẫu quy định tại thông tư Thông tư 14/2023/TT-BYT của Bộ Y tế (Tham khảo tại phụ lục 2 đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; KD; TCKT.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Sỹ

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
(Kèm theo công văn số 3805/GV-BVĐKT ngày 24/10/2023)



STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên VTYT	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng dự kiến
		1.1 Bông			
1	23BV-G14-1	Bông ép sọ não 4 x 5cm, VT	- Gạc không dẹt hút nước và có độ thấm hút rất cao. - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính	Cái	9.000
2	23BV-G14-2	Bông gạc băng mắt 5 x 7cm	Bông hút nước 100% cotton và gạc không dẹt hút nước. Màu trắng. Kích thước: 5 x 7cm. Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa, 2 lớp gạc không dẹt hút nước.	Cái	5.000
		2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương			
3	23BV-G14-3	Gạc dẫn lưu 1.5x100cmx4 lớp	Nguyên liệu: gạc không dẹt hút nước và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Tốc độ hút nước < 5s - Không có tinh bột và Dextrin	miếng	2.000
4	23BV-G14-4	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	Gạc được dẹt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép	Miếng	54.000
		3.1 Bơm tiêm			
5	23SYT-G14-V28	Bơm tiêm nhựa 1ml	Dung tích 1ml. Bơm tiêm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Cờ kim tối thiểu từ 27G đến 30G.	Cái	10.000
6	23SYT-G14-K5	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm dung tích 1ml. Bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Gắn kim tối thiểu các cỡ từ 27G đến 30G.	Cái	20.000
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
7	23BV-G14-5	Kim chọc động mạch đùi	- Kim chọc động mạch đùi - Chất liệu: thép không gỉ - Cỡ 18G; đường kính 1.3mm x dài 70mm. Đường kính đầu tip 0.035" - Đầu sắc nhọn, lòng kim trơn nhẵn	Cái	200
8	23BV-G14-6	Kim chọc tủy xương	- Cỡ kim: 16G - Kim dùng 1 lần, chiều dài kim 43 mm, điều chỉnh được từ 23 - 60 mm - Có nút xoay điều chỉnh độ sâu, có thang vạch trên thân kim - Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh - Đầu nối Luer chuẩn kết nối với xy lanh	Cái	300
9	23BV-G14-7	Kim chọc dò gãy tủy sống các cỡ	* Kim vát 3 mặt sắc bén, chất liệu thép không gỉ * Chuôi kim trong suốt phản quang có nhiều rãnh * Cờ cảnh. * Các cỡ: tối thiểu từ 18G đến 27G	Cái	9.000

(Handwritten signature)

10	23SYT-G14-K14	Kim chạy thận nhân tạo	Thành kim làm bằng thép không gỉ. - Chiều dài kim: 1 inch, chiều dài dây dẫn: ≥ 300 mm, đường kính 16G, có mắt, có kẹp, có cánh. - Kim được phủ silicon - Dây gắn với kim làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride.	Cái	30.000
11	23BV-G14-8	Kim sinh thiết tụy xương	- Cỡ kim: 8G - Chiều dài kim: 10 cm, kích thước nòng kim 4,0 mm - Đầu kim được thiết kế kiểu Trocar và kim dạng ống (cannula) mài sắc kiểu 5 cạnh - Kim thông dạng trụ	Chiếc	90
		3.5 Dây truyền, dây dẫn			
12	23BV-G14-9	Dây nối truyền dịch truyền cân quang 75cm	Dây nối truyền thuốc cân quang, dài 75cm	Chiếc	9.000
		3.6 Găng tay			
13	23BV-G14-10	Găng tay không bột	Găng tay không có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên trơn hoặc có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp, độ cong phù hợp, độ đàn hồi tốt	đôi	18.000
		3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
14	23BV-G14-11	Ống silicone nuôi ăn đường mũi - dạ dày có phễu và nắp (Đầu TIP đóng)	Ống thông làm bằng silicone 100%, tuổi thọ cao, ít bám bẩn - Tránh được việc gập ống khi đưa ống nuôi ăn vào bên trong cơ thể. - Có 2 dạng đầu tip: Đầu tip phản quang, thiết kế hình nón, dạng đầu tip đóng; Đầu tip phản quang, dạng đầu tip mở. - Dây nuôi ăn có đường phản quang; - Có các kích cỡ tối thiểu từ 8Fr đến 20Fr - Tiết diện bên trong ống nuôi ăn qua mũi lớn: tối thiểu từ 2,0mm đến 4,1mm - Chiều dài có kích thước tối thiểu từ 950 mm đến 1250 mm - Có nắp đậy khi không bơm thức ăn	Cái	100
15	23BV-G14-12	Ống nuôi ăn qua mũi	Ống thông làm bằng silicone 100%. - Tránh được việc gập ống khi đưa ống nuôi ăn vào bên trong cơ thể. - Đầu tip phản quang màu xanh, thiết kế hình nón dễ dàng đưa vào cơ thể - Cuối ống được đục bằng các mắt đối nhau (≥ 3 mắt) giúp thoát nước và rửa vết thương hiệu quả giảm thiểu tắc nghẽn ống. - Kích cỡ: tối thiểu từ 8Fr đến 18Fr. - Chiều dài: tối thiểu từ 70cm đến 120cm - Có sợi cân quang dọc theo ống - Có nắp đậy (chất liệu 100% silicon) dùng đậy lại khi không bơm thức ăn.	Ống	100
16	23BV-G14-13	Ống thông silicone nuôi ăn đường mũi - Hồng tràng, có quai kéo cho kẹp nội soi	Ống thông nuôi ăn hồng tràng làm bằng silicone 100% - Có các lỗ giải áp dạ dày . - Ống có 2 kênh: 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh giải áp - Đầu tip đóng, trên đầu có có phản quang, có quai kéo dùng cho kẹp nội soi - Kích cỡ 16Fr, đường kính trong lớn: 5,3mm	Cái	50
17	23BV-G14-14	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	- Ống thông làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối dung tích 10ml. - Có đầu bôi trơn để dễ dàng đưa ống thông vào dạ dày - Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến	Ống	20

			<p>24Fr</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày. - Có miếng chặn để cố định ống thông, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn - Đánh dấu chiều sâu từ sau bóng hơi 2-10 cm 		
18	23BV-G14-15	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông làm bằng silicone 100%, dây trong suốt, dài 255mm, Đánh dấu chiều sâu ống 2 đến 10cm. - Có sợi cản quang. - Có miếng đệm bên ngoài ngăn cản sự di chuyển của ống. - Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến 28Fr bóng 5-20ml - Ống có 3 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày; 01 kênh để thoát khí trong dạ dày - Không chứa Latex/DEHP. 	Ống	20
19	23BV-G14-16	Túi Camera	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu: được làm từ ống nylon. Có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm. 	Cái	6.000
20	23BV-G14-17	Túi tiệt trùng dạng cuộn dệt kích thước 200mm*200m	<ul style="list-style-type: none"> - 3 đường hàn nhiệt - Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film - Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng - Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 mm - Kích thước: 200mm*200m 	Cuộn	90
21	23BV-G14-18	Túi tiệt trùng dạng cuộn dệt kích thước 300mm*200m	<ul style="list-style-type: none"> - 3 đường hàn nhiệt - Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film - Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng - Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 mm - Kích thước: 300mm*200m 	Cuộn	90
22	23BV-G14-19	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ nhựa PS trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn 	Lọ	4.500
23	23BV-G14-20	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin nắp cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PP, Kích thước tối thiểu từ 12mm đến 13mm x 75mm. - Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na⁺, K⁺, Cl⁻,...trừ Li⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcoool trong máu.. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. - Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu đen. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu - Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp. 	Ống	320.000
24	23BV-G14-21	Ống đựng máu EDTA K3, 6ml	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo bằng nhựa PET, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 100mm, thành phần 2.0mg/ml EDTA K3 phun sương bám vào thành trong ống, có vạch định sẵn 6ml 	Cái	45.000
25	23BV-G14-22	Ống nghiệm lấy máu chân không EDTA (K3) nắp cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm nhựa PET, Kích thước tối thiểu từ 13x75mm. - Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu từ 0.2ml đến 10ml. - Sử dụng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học. Thành phần gồm Ethylenediaminetetra acid tripotasium - Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa bọc cao su. 	Ống	200.000

Handwritten signature or mark

26	23BV-G14-23	Ống nghiệm nhựa PP phi 16mm x 10cm có nút	-Ống nghiệm: Nhựa polypropylene (PP) - ống có dạng hình trụ đáy tròn, có đóng nút, trên ống không có nhãn - Kích thước ống: Dài 10cm, đường kính 16mm, thể tích sử dụng tối đa 10ml	Cái	90.000
27	23BV-G14-24	Túi đựng máu	- Cấu hình bộ túi : + 01 kim cỡ 16G. + 01 túi đựng bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml, chứa 35ml CPD. + 01 túi đựng bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml, chứa 55ml SAG-M. + 01 túi chứa bằng nhựa PVC-DEHP, dung tích 300ml. + 01 dây lấy máu toàn phần, chiều dài 1160 ± 100 mm + 01 dây nối với túi máu toàn phần, chiều dài 195 ± 20 mm + 01 dây nối với túi hồng cầu, chiều dài 440 ± 30 mm + 01 dây nối C1 với túi trắng, chiều dài 440 ± 30 mm + Có bộ lấy mẫu chân không đi kèm. + Có các kẹp trên dây lấy máu và dây lấy mẫu chân không. - Thích hợp với đơn vị hiến 250ml.	Túi	20.000
		4.1 Ống thông			
28	23BV-G14-25	Canuyn mở khí quản các số (có bóng)	Bằng nhựa PVC y tế, các số từ số 4 đến 9	Cái	500
29	23BV-G14-26	Ống nội khí quản có bóng các số	- Làm từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP, trong suốt, mềm và mịn - Có bóng - Bóng khối lượng lớn cung cấp khoá thành khí quản tích cực - Được thiết kế để sử dụng trong quá trình thông khí ngắn hạn và dài hạn và các thủ tục phẫu thuật thông thường. - Kích thước: tối thiểu từ 3.0mm - 10.0mm	Cái	9.000
30	23BV-G14-27	Ống dẫn lưu	Chất liệu PVC y tế. Dẫn lưu ổ bụng, dẫn lưu ngoài. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo	Cái	6.300
		4.2 Ống dẫn lưu, ống hút			
31	23BV-G14-28	Bộ mở thông bằng quang qua da	Bộ mở thông bằng quang qua da bao gồm: troca, kẹp cố định và ống thông. 1. Troca bằng kim loại chế đôi. 2. Kẹp cố định bằng nhựa. 3. Ống thông được làm bằng 100% silicone mềm mại cho khả năng tương thích sinh học vượt trội. Trục tròn trơn có thể giảm thiểu chấn thương trong quá trình đưa vào và rút ra. Ống trong suốt để dàng kiểm tra bằng mắt và quan sát chất lỏng. Ống thông có các kích thước tối thiểu từ 12Fr đến 14Fr bóng 5-10 cc, độ dài ống tối thiểu từ 420 mm ± 10mm	Bộ	20
32	23BV-G14-29	Bộ tự thông tiểu	- Thông tiểu ngắt quãng silicon cỡ 9Fr đến 15Fr. Đường kính trong 1,5mm đến 2,5mm, đường kính ngoài 3m đến 5mm. Chiều dài tối thiểu từ 130mm đến 330mm - Bộ gồm 3 phần: Vỏ dụng ống làm bằng Silicon; ống thông ngắt quãng làm bằng silicon và bao đựng.	Bộ	20
		4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối			
33	23BV-G14-N2-21	Dây lọc máu Online	Tính năng Online: - Không cần dùng nước muối để mỗi, bolus	Bộ	200

lu

			<ul style="list-style-type: none"> hay dịch truyền. - Dây Safeline có sẵn trong mỗi set. - Không chứa DEHP - Đo lường chính xác áp lực động mạch thông qua cảm biến áp lực dạng vòm. - Bộ phát hiện khí được tích hợp sẵn trên dây. - Các thành phần của bộ dây được định hình sẵn để lắp vào máy mà không cần tháo rời - Thẻ tích làm đầy nhỏ, hạn chế máu tiếp xúc với không khí bên ngoài. - Thẻ tích làm đầy: 132mL. 		
34	23BV-G14-30	Sâu máy thở	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng nhựa PVC - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Đường kính đầu nối trên: Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm - Đường kính đầu nối dưới 15mm - Công lấy khí có nắp đậy cố định. Sản phẩm được tiệt trùng. 	Cái	9.000
		4.4 Catheter			
35	23BV-G14-31	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu nút giảm tổn thương mạch máu khi chèn - Chất liệu y tế đảm bảo sự an toàn ở mức độ cao nhất - Ống thông mềm di ở nhiệt độ cơ thể - Thành phần chắn bức xạ giúp xác định nhanh vị trí ống thông và đặt đầu nút chính xác - Có dây dẫn chống xoắn (tuỳ chọn) - Gồm: Ống thông, dây dẫn, nắp tiêm, kim luồn, panh xơ, kẹp, ống tiêm, dao mổ - Là loại catheter 3 nòng 	Cái	900
36	23BV-G14-32	Bộ catheter chạy thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu mềm; - Chất liệu chắn bức xạ, đảm bảo đặt đầu catheter chính xác; - Một bộ Catheter gồm có: Kim luồn, nong, ống tiêm, kẹp Catheter, dao...; - Kích thước: 12F tối thiểu từ 16cm đến 20cm (các dạng cong, thẳng) 	Bộ	1.000
37	23BV-G14-33	Catheter đường hầm dùng trong lọc máu	<p>Catheter đường hầm dùng trong lọc máu, hai nòng, chất liệu Polyurethane, thiết kế đầu tip dạng xoắn ốc. Kích cỡ catheter 14.5Fr. Introducer:15Fr. Chiều dài từ đầu tip đến đầu gắn 20-47cm. Chiều dài từ đầu tip đến cuff 15-42cm, có van khóa khí tự động và catheter được tích hợp sẵn dây dẫn 0.038". Thông nòng 10-12 Fr. Kim dẫn đường 18G. Tốc độ dòng chảy đến 500ml/phút. Độ gấp góc 7%, bề mặt trơn nhẵn. Có 3 đến 4 Lỗ bên trên thân Catheter</p>	Cái	100
38	23BV-G14-34	Ống thông chụp động mạch vành trái, phải	<p>Lưới thép không gỉ bên ngoài chống xoắn</p> <p>Các cỡ: tối thiểu từ 4F đến 6F. Chiều dài tối thiểu từ 100cm đến 110cm</p> <p>Đầu conng tiêu chuẩn tối thiểu các dạng: trái, phải, xoắn, đốt sống.</p>	Cái	500
39	23BV-G14-35	Ống thông chụp động mạch vành 2 bên	<p>Lưới thép không gỉ bên ngoài; chống xoắn</p> <p>Các cỡ: tối thiểu từ 4F đến 6F. ; Chiều dài tối thiểu từ 100cm đến 110cm</p> <p>Đầu conng tiêu chuẩn tối thiểu các dạng: 2 bên, xoắn, đốt sống.</p>	Cái	800
40	23BV-G14-N1-27	Catheter chụp động mạch vành cả hai bên chống xoắn	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép, đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường 	Cái	500

Handwritten signature

			<p>quay: Brachial Type (Tiger) hặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1.200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 4Fr đến 5Fr (lòng rộng 1.05mm đến 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm, có tối thiểu 2 kích thước. 		
41	23BV-G14-39	Ống thông tiêu 2 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> - 100% silicone cấp y tế cho khả năng tương thích sinh học vượt trội. - Ống silicon cấp y tế trong suốt cho phép kiểm tra trực quan dễ dàng và quan sát chất lỏng.. - Bao gồm một ống thông Spigot được đóng gói và khử trùng riêng lẻ. - Kích thước tối thiểu từ 6fr đến 26fr bóng 1-30ml dài tối thiểu từ 250mm đến 400mm - Ống có thể lưu lại tối thiểu 29 ngày trong cơ thể 	Ống	500
42	23BV-G14-36	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	<p>Đường kính khoảng: 0.014" đến 0.035". Chiều dài khoảng: 90cm đến 150cm. Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. Dầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt. Dầu tít thon dần. Catheter có đủ loại tương thích với dây dẫn: 0.014" đến 0.035". Chiều dài tối thiểu từ 65 đến 150 cm</p>	Cái	5
43	23BV-G14-37	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	<p>Vật liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước. Vùng linh hoạt 4cm. Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài tối thiểu từ 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F/8F.</p>	Cái	100
44	23BV-G14-38	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế trục mới từ các sợi bện. - Đường kính ngoài thân xa: 2.1 F - 2.6 F - Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8 F - 2.9 F - Chiều dài khả dụng: tối thiểu từ 135 đến 150 cm 	Cái	5
45	23BV-G14-N4-43	Micro Catheter siêu nhỏ dạng xoắn đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mãn tính	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc dạng bện - Chiều dài: 135 cm đến 150cm, có tối thiểu 2 cỡ chiều dài - Đường kính ngoài đầu tít 0.42 mm, đường kính trong: 0.38 mm - Đường kính ngoài phần thân xa: 2.6 Fr - Đường kính ngoài phần thân gần: 2.8Fr 	Cái	5
		5.2 Chỉ khâu			
46	23BV-G14-40	Chỉ điện cực tim số 3/0	<p>Chỉ điện cực tim số 3/0, chất liệu thép không gỉ bện, được phủ lớp cách điện PTFE poly hoặc FEP poly, sợi dài 60cm. Gồm 2 kim (1 kim thẳng SC-6 dài 88mm đầu kim có khắc bẻ và 1 kim tròn đầu nhọn CV-23, cong 1/2 vòng tròn, dài 17mm), kim phủ silicon</p>	Sợi	100
47	23BV-G14-41	Chỉ Chỉ tiêu tự nhiên 3/0	<p>Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim số 3/0, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, dài 75cm, kim tròn vòng kim 24mm, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 5 ngày.</p>	Sợi	1.600
48	23BV-G14-42	Chỉ tơ phẫu thuật	<p>Chất liệu sợi tơ tằm</p>	Sợi	900
49	23BV-G14-43	Chỉ không tiêu tổng hợp số 2/0	<p>Chỉ không tiêu tổng hợp 2/0 dài 75cm, 3/8 kim tam giác 24mm; 3/8 kim tam giác 26mm. Chất liệu Nylon.</p>	Sợi	6.500
50	23BV-G14-44	Chỉ không tiêu tổng hợp số 3/0	<p>Chỉ không tiêu tổng hợp 3/0. Chất liệu Nylon, kim tam giác 20 mm, dài 75cm, 3/8 kim tam giác</p>	Sợi	9.000

51	23BV-G14-45	Chỉ tiêu tự nhiên số 1, không kim	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim 1/0, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, chiều dài của chỉ 75cm, kim tròn 1/2. Kim dài 26mm giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 2 ngày.	Tép	250
		5.3 Dao phẫu thuật			
52	23BV-G14-46	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ tiết trùng các số. Chất liệu Carbon, các cỡ khác nhau số 10, 11, 15, 20, 21, lắp được vào tất cả cán giao mổ kim loại, nhựa...Sử dụng một lần.	Cái	14.000
53	23BV-G14-47	Dao phẫu thuật mắt trong mổ phaco	Dao mổ chính tạo đường rạch giác mạc trong mổ phaco, đường kính: 2.2mm, 2.8mm. Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, vát chéo lên	Cái	450
		6.3 Thủy tinh thể nhân tạo			
54	23BV-G14-N1-83	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	- Mô tả: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, 4 càng - Kích cỡ: Optic 6mm, tổng chiều dài 10.75mm ± 0.75mm - Chất liệu: Copolymer Thiết kế một mảnh dạng hình đĩa với 4 haptic cặp đối tạo thành 4 điểm tựa Lọc tia UV Góc càng 5 độ Optic dạng phi cầu hai mặt, loại bỏ quang sai. Hằng số A: 118.6 cho dây độ từ 0D đến +40D và A: 119.9 cho dây độ từ -3D đến -1D Độ sâu tiền phòng: 5.32 cho dây độ từ 0D đến +40D và độ sâu tiền phòng: 6.08 cho dây độ từ -3D đến -1D Chỉ số SA: -0.14µm Chỉ số khúc xạ: 1.46 ở 35 độ C Chỉ số Abbe: 46.94 Dải công suất từ -3D đến +40D: từ -3D đến +10D: tăng dần tối thiểu 1D, từ +10D đến +30D tăng dần tối thiểu 0.5D, từ +30D đến +40D tăng dần tối thiểu 1D. Kèm cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể sử dụng một lần qua vết mổ ≤ 2.2mm	Cái	100
55	23SYT-G14-G45	Thủy tinh thể nhân tạo	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, mềm, một mảnh, 2 càng chữ C. Góc càng: 10° Đường kính quang học trong khoảng: 6.00 mm (± 5%) Đường kính tổng thể trong khoảng: 13.00 mm (± 5%) Thiết kế: Một mảnh Thiết kế quang học: Đơn tiêu, hình cầu. Vật liệu: Hydrophilic Dải công suất: Từ +10.0D đến +30.0D (mức tăng tối thiểu 0.5D) Hằng số A (SRK-T): 118.0/118.5 Độ sâu tiền phòng (ACD): 4.96 mm/5.25 mm Chỉ số khúc xạ trong khoảng: 1.4 - 1.5	Cái	80
		6.4 Xương, sụn, khớp, gân nhân tạo			
56	23BV-G14-48	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (1 bộ gồm 01 Ổ cối + 02 Vít ổ cối + 01 Lót ổ cối + 01 Chòm khớp + 01 Chuôi khớp)	1. Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium, được phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravít hoặc tương đương dày khoảng 200µm. Ổ cối chuyển động được trong khoảng 25 – 50µm. Có các nút đê chặn các lỗ vít không sử dụng. Có khóa an toàn cố định lớp lót ổ cối. Đường kính ngoài tối thiểu từ 44 -	Bộ	20

Handwritten signature or mark

			<p>64mm, bước tăng ≤ 2mm.</p> <p>2. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium, vít xương xốp. Đường kính vít khoảng 6.5mm, chiều dài vít tối thiểu từ 12 - 70mm, gồm tối thiểu 13 cỡ.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu XL-UHMWPE hoặc tương đương. Đường kính trong 28mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 44 - 64mm; đường kính trong 32mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 48-64mm; đường kính trong 36mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 52-64mm. Bao gồm tối thiểu các loại: tiêu chuẩn, góc 10 độ và góc 20 độ.</p> <p>4. Chôm khớp: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương, cổ côn 12/14, đường kính ngoài gồm tối thiểu các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit[®] Zoned hoặc tương đương dày trong khoảng từ 175 đến 200μm. Góc cổ-thân trong khoảng từ 126° đến 140° (gồm tối thiểu các loại cổ ngắn, cổ dài, +4, +8). Chuôi ngắn: chiều dài khoảng 100mm, chiều rộng tối thiểu từ 6 - 17mm bước tăng ≤ 1mm. Chuôi dài chiều dài tối thiểu từ 100 đến 165mm, chiều rộng thân chuôi từ 8 - 16mm bước tăng ≤ 1mm.</p>		
57	23BV-G14-49	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	<p>1. Ổ cối: Được phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit hoặc tương đương dày khoảng 200μm. Ổ cối chuyển động được trong khoảng 25 – 50μm. Có các nút để chặn các lỗ vít không sử dụng. Có khóa an toàn cố định lớp lót ổ cối. Đường kính ngoài tối thiểu từ 44 - 64mm, bước tăng ≤ 2mm.</p> <p>2. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, vít xương xốp. Đường kính vít 6.5mm, chiều dài vít tối thiểu từ 12 - 70mm, gồm tối thiểu 13 cỡ.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương. Đường kính trong 28mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 44 - 46mm, 48 - 50mm; đường kính trong 32mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 48 - 50mm, 52 - 54mm, 56 - 58mm, 60 - 64mm; đường kính trong 36mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 52 - 54mm, 56 - 58mm, 60-64mm; đường kính trong 40mm dùng được cho tối thiểu các ổ cối 56 - 58mm, 60 - 64mm.</p> <p>4. Chôm khớp: Chất liệu BIOLOX Delta Ceramic hoặc tương đương, cổ côn 12/14, đường kính ngoài gồm tối thiểu các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương, phủ toàn bộ bởi lớp hợp chất Supravit Zoned hoặc tương đương dày trong khoảng từ 175 đến 200μm. Góc cổ-thân trong khoảng từ 126° đến 140° (gồm tối thiểu các loại cổ ngắn, cổ dài, +4, +8). Chuôi ngắn: chiều dài khoảng 100mm, chiều rộng từ 6 - 17mm bước tăng ≤ 1mm. Chuôi dài chiều dài tối thiểu từ 100 đến 165mm, chiều rộng thân chuôi từ 8 - 16mm bước tăng ≤ 1mm.</p>	Bộ	5
58	23BV-G14-50	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu Titanium alloy Plasma Spray.</p> <p>- Kích cỡ chuôi: 1 đến 10</p> <p>- Chiều dài chuôi: 130 đến 190mm.</p>	Bộ	20

			<p>*Ố cối: Vật liệu: Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. - Có khóa lớp đệm tại đáy ổ cối. - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối. - Kích cỡ: tối thiểu từ 40 – 74 mm với mỗi bước tăng tối đa 2mm. * Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử. - Đường kính trong : tối thiểu từ 22 đến 32 mm. * Chôm khớp: Vật liệu REX Steel. * Vít ổ cối: Vật liệu Titanium ĐK 6.5mm, dài tối thiểu từ 15 - 60mm.</p>		
59	23BV-G14-51	Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối. Ceramic/PE	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu Titanium alloy Plasma Pray - Kích cỡ chuôi: 1 đến 10 - Chiều dài chuôi: 130 đến 190mm. * Ổ cối: - Titanium alloy Plasma Spray. Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic. - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối. - Kích cỡ : 46 – 74 mm với mỗi bước tăng tối đa 2mm. * . Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử. - Đường kính trong : 28 đến 32 mm. * Chôm Ceramic * Vít ổ cối: Vật liệu Titanium ĐK 6.5mm, dài tối thiểu 15 - 60mm.</p>	Bộ	10
60	23BV-G14-52	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on PE có vitamin E	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay trở lên. Có các cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển tối đa 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. 2. Vít ổ cối: bằng Titanium dài từ 15 đến 50mm. 3. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm. 4. Chôm xương đùi: Vật liệu bằng Ceramic Biolox Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ tối thiểu từ: 28mm đến 36mm. 5. Chuôi xương đùi UTF-reduced: loại cổ định đầu gắn, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có cỡ dài tối thiểu từ 114mm -161mm.</p>	Bộ	30
61	23BV-G14-53	Khớp háng toàn phần không xi măng, Polyethylene on PE có vitamin E	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển tối đa 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. 2. Vít ổ cối: bằng Titanium dài 15-50mm. 3. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink có vitamin E. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm 4. Chôm xương đùi: bằng Cobalt Chrome: kích thước: tối thiểu từ 28mm đến 36mm với taper 12/14. 5. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gắn.</p>	Bộ	30

Handwritten signature

			dạng nêm 2 chiều và cô tron, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Góc cô thân 130 độ với đầu taper 12/14 dài tối thiểu từ 114 đến 161.		
62	23BV-G14-54	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cô thân chuôi 130 độ, Metal on PE	<p>1. Cuồng xương đùi hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm. Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm. Góc cô thân chuôi 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm</p> <p>2. Đầu xương đùi CoCrMo: Kích cỡ: tối thiểu từ 24 đến 36mm.</p> <p>3. Lớp đệm nhựa UHMWPE: Có bờ chống trật, chốt định tâm. Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định. Đường kính trong tối thiểu từ 28mm-36mm.</p> <p>4. Ổ cối hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày khoảng 170µm Phủ ngoài lớp HA dày 60µm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít</p> <p>5. Vít ổ cối: Chất liệu Ti6Al4V, đường kính 6.5mm, có độ dài tối thiểu từ 20-60mm</p>	Bộ	20
63	23BV-G14-55	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cô thân chuôi 130 độ, Ceramic on PE	<p>1. Cuồng xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm Góc cô thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm</p> <p>2. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: tối thiểu từ 28 đến 40mm.</p> <p>3. Lớp đệm nhựa UHMWPE: Có bờ chống trật, chốt định tâm. Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định. Đường kính trong tối thiểu từ 28mm-36mm.</p> <p>4. Ổ cối hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Loại kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày khoảng 170µm Phủ ngoài lớp HA dày 60µm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít</p> <p>5. Vít ổ cối Chất liệu Titanium, đường kính 6.5mm, có độ dài tối thiểu từ 20-60mm</p>	Bộ	20
64	23BV-G14-56	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gân. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cô chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm.</p> <p>2. Chờm xương đùi vật liệu CrCo các đường kính khác nhau, tối thiểu ø28 mm</p> <p>3. Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ : tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng tối đa 2mm;</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu UHMWPE, gờ chống</p>	Bộ	20

			trật 20° 5. Vít ổ cối; vật liệu Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến 60mm		
65	23BV-G14-57	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gân. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm;</p> <p>2. Chòm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu tối thiểu ø28 mm;</p> <p>3. Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng tối đa 2mm;</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 20°;</p> <p>5. Vít ổ cối: Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến 60mm.</p>	Bộ	20
66	23BV-G14-58	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gân. Kích cỡ chuôi: có các cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm;</p> <p>2. Chòm xương đùi vật liệu BioloX Delta Ceramic đường kính đầu tối thiểu ø28 mm;</p> <p>3. Ổ cối: vật liệu Titanium với kết cấu lớp phủ bề mặt ULTRAFIT chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: tối thiểu từ 42mm đến 70 mm, bước tăng 2mm;</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 20°;</p> <p>5. Vít ổ cối: Titanium dài tối thiểu từ 20mm đến 60mm.</p>	Bộ	20
67	23BV-G14-59	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, lót Crosslinked, chuôi phủ HA toàn bộ	<p>1. Chuôi khớp chất liệu titanium phủ HA. Chiều dài tối thiểu từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp tối thiểu từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuôi tối thiểu từ 4 - 18mm. Góc cổ chuôi 127 độ.</p> <p>2. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium phủ titanium plasma, đường kính ngoài từ 44 - 62mm, bước tăng tối đa 2mm. Đường kính trong từ 38 - 52mm.</p> <p>3. Chòm khớp chất liệu CoCr, gồm các cỡ đường kính 28mm đến 36mm</p> <p>4. Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE siêu liên kết, gồm các size 28mm đến 36mm. Góc chống trượt 12 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong 6,3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 - 35mm, bước tăng tối đa 5mm.</p>	Bộ	10
68	23BV-G14-60	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, lót Crosslinked, chuôi phủ HA toàn bộ, chòm ceramic	<p>1. Chuôi khớp chất liệu Titanium phủ HA. Chiều dài tối thiểu từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp tối thiểu từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuôi tối thiểu từ 4 - 18mm. Góc cổ chuôi khoảng 127 độ.</p> <p>2. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium phủ titanium plasma, đường kính ngoài từ 44 - 62mm, bước tăng 2mm. Đường kính trong từ 38 - 52mm.</p> <p>3. Chòm khớp chất liệu Ceramic các loại đường kính tối thiểu từ 28mm đến 36mm.</p> <p>4. Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE gồm các size 28mm đến 36mm. Góc chống trượt</p>	Bộ	10

Handwritten signature or mark

			<p>khoảng 12 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính trong 6.3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 - 35mm, bước tăng tối đa 5mm.</p>		
69	23BV-G14-61	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ TPS	<p>1. Chuôi khớp không xi phủ titanium plasma (TPS) chiều dài từ 105 đến 164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 37 đến 54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 30 đến 40mm độ rộng phần đầu xa đuôi chuỗi 4 đến 18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ</p> <p>2. Ổ cối toàn phần phủ titanium plasma (TPS) Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (Ti-6Al-4V ELL, TPS) có thiết kế rãnh chống trượt, các cỡ tối thiểu từ 44 đến 62mm, đường kính trong 38 đến 52mm, đường kính ngoài 46 đến 64mm</p> <p>3. Chòm xương đùi CoCr, gồm các size đường kính 28mm đến 36.</p> <p>4. Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE, các size 28/38mm đến 36/52mm, góc bờ chống trượt 12 độ.</p> <p>5. Vít ổ cối Chất liệu Ti-6Al-7Nb, đường kính 6.3mm, chiều dài tối thiểu từ 25 đến 35mm</p>	Bộ	10
70	23BV-G14-62	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (Ceramic on PE có vitamin E)	<p>1. Chuôi khớp: Chất liệu bằng hợp kim Ti6Al4V. Đầu chuỗi dạng Taper 12/14 có biên độ xoay 135 độ (standard). Đường cắt xương 55 độ. Có cánh mỏng ở mấu chuyển lớn và rãnh chống xoay riêng biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gắn phủ lớp Titanium Plasmamore rỗng li ti có độ dày khoảng 0.35mm. Kích cỡ chuỗi: Từ 8mm đến 18mm (mỗi size tăng tối đa 1mm). Chiều dài thân chuỗi tối thiểu từ: 112 đến 150mm. Chiều dài chuỗi: tối thiểu từ 145 đến 190mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu gốm (BioloX delta Alumina matrix composite ceramic). Đường kính đầu: 28mm. Đường kính đầu tối thiểu từ: 32 đến 40mm. Cổ đầu 12/14.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu bằng polyethylene kết hợp với Vitamin E. Đường kính trong: 28 đến 40mm. Có bờ chống trật phía sau. Lớp lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai, bên trong ổ cối có thiết kế dạng nón và nhám.</p> <p>4. Ổ cối: Chất liệu Titanium forged alloy Ti6Al4V. Vách mỏng khoảng 0.35 mm với độ xốp 50%, có tối thiểu các size tối thiểu từ 44mm - 70mm, mỗi cỡ tăng tối thiểu 2mm thích hợp cho tất cả các loại ổ cối, có 3 lỗ bắt vít.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium Ti6Al4V đường kính 6.5mm, với chiều dài tối thiểu từ 20mm đến 36mm</p>	Bộ	10
71	23BV-G14-63	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (CoCr on PE có Vitamin E)	<p>1. Chuôi khớp: Chất liệu bằng hợp kim Ti6Al4V. Đầu chuỗi dạng Taper 12/14 có biên độ xoay 135 độ. Đường cắt xương 55 độ. Có cánh mỏng ở mấu chuyển lớn và rãnh chống xoay riêng biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gắn phủ lớp Titanium Plasmamore rỗng li ti có độ dày khoảng 0.35mm. Kích cỡ chuỗi: tối thiểu từ 8mm đến 18mm (mỗi size tăng tối đa 1mm). Chiều dài thân chuỗi tối thiểu từ: 112 đến 150mm. Chiều dài chuỗi tối thiểu từ: 145 đến 190mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu hợp kim</p>	Bộ	10

			<p>Cobalt-ISODUR F chromium forged alloy (CoCrMo). Đường kính đầu: 22mm đến 40mm. Cổ đầu 12/14.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene kết hợp với Vitamin E. Đường kính trong tối thiểu từ: 28 đến 40mm. Có bờ chống trật phía sau. Lớp lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai, bên trong ổ cối có thiết kế dạng nón và nhám.</p> <p>4. Ổ cối: Chất liệu Titanium forged alloy Ti6Al4V. Vách mỏng khoảng 0.35 mm với độ xốp 50%, có tối thiểu các size từ 44mm - 70mm, mỗi cỡ tăng tối đa 2mm thích hợp cho tất cả các loại ổ cối, có 3 lỗ bắt vít.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu hợp kim Titanium Ti6Al4V đường kính 6.5mm, có các size với chiều dài tối thiểu từ 20mm đến 36mm</p>		
72	23BV-G14-64	Khớp háng toàn phần Ceramic không xi măng phủ TPS (Ceramic on PE)	<p>1. Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray). Góc cổ thân 135 độ. Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14 (5°42'30") Kích cỡ chuôi: từ 6.25mm đến 20mm (mỗi size tăng tối thiểu 1.25mm). Chiều dài chuôi tối thiểu từ: 135 đến 155 mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu gốm (Ceramic). Đường kính đầu: 28 đến 36: cổ dài (0, ±3.5, +7, +10.5, +14, +17.5)mm; cổ đầu 12/ 14</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4, phủ TPS (Titan Plasma Spray). Kích cỡ tối thiểu từ 38mm đến 82mm; mỗi cỡ tăng tối đa 2mm. Trên ổ cối có 5 lỗ để bắt vít ổ cối.</p> <p>4. Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium TiAl64V, gắn ổ cối với xương, đường kính 6.5mm; dài tối thiểu từ 25mm đến 50mm; mỗi bước tăng tối đa 5mm</p> <p>5. Lót ổ cối: Vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE), có gờ chống trượt 20 độ. Đường kính trong: 22 đến 36 mm; Kích cỡ tối thiểu từ: 20 đến 35</p>	Bộ	20
73	23BV-G14-65	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic/ PE, chuôi phủ Hydro Apatite toàn bộ, loại chòm to	<p>1. Cuống chòm xương đùi: Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatite toàn bộ chuôi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày khoảng 130 micron. Kích thước tối thiểu từ: số 8 đến 16. Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt. Cổ côn 12/14mm</p> <p>2. Chòm xương đùi: Vật liệu: CERAMIC (sứ). Kích thước: Đường kính tối thiểu từ 28 đến 36mm.</p> <p>3. ổ cối: Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ. Kích thước tối thiểu từ 44mm - 68mm, mỗi nhịp cách nhau tối đa 2mm. Cup từ 44 đến 68 dùng chòm từ 28 mm đến 40.</p> <p>4. Lót ổ cối: Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene. Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ. Thành lót ổ cối thiết kế xẻ tối thiểu 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau khoảng 30°. Độ dày thành tối thiểu 5mm. Đường kính trong tối thiểu từ 28 đến 36mm. Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối</p> <p>5. Vít ổ cối: Vít bằng titan, đường kính 6.5mm, các cỡ tối thiểu từ 20 đến 45mm</p>	Bộ	20
74	23BV-G14-66	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ Hydro Apatite toàn bộ, loại chòm to	<p>1. Cuống chòm xương đùi: Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ Hydro Apatite toàn bộ chuôi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày khoảng 130micron. Kích thước: số 8 đến 16. Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ.</p>	Bộ	20

Handwritten signature

			<p>trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt. Cổ côn 12/14mm</p> <p>2. Chòm xương đùi: Vật liệu: Thép không gỉ. Kích thước: Đk 28 đến 36mm</p> <p>3. ổ cối: Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V, phủ HA toàn bộ. Kích thước từ 44mm-68mm, mỗi nhịp cách nhau tối đa 2mm. Cup từ 44 đến 68 dùng chòm từ 28 mm đến 36mm.</p> <p>4. Lót ổ cối: Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene. Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ giúp tối đa phạm vi dịch chuyển của khớp. Thành lót ổ cối thiết kế xẻ tối thiểu 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau khoảng 30° để lắp vừa với ổ cối. Độ dày thành tối thiểu 5mm. Đường kính trong 28 đến 36mm. Đường kính ngoài phủ hợp với ổ cối</p> <p>5. Vít ổ cối: Vít bằng titan, đk 6.5mm, các cỡ từ 20 đến 45mm</p>		
75	23BV-G14-67	Khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng, góc cổ 130°	<p>1. Chòm bán phần: Có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome; lớp lót PE Crosslink có vòng khóa trong. Đường kính ngoài tối thiểu từ 38mm đến 56mm, đường kính trong tối thiểu từ 22mm đến 28mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước tối thiểu từ 22.2mm đến 28mm với taper 12/14</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ tròn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14. Có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm ± 5mm và dạng cong có chiều dài 230mm ± 5mm trong ứng cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.</p>	Bộ	10
76	23BV-G14-68	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng chuỗi dài	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasma Spray.</p> <p>- Kích cỡ chuỗi: 3 đến 10</p> <p>- Chiều dài chuỗi tối thiểu từ: 190 đến 235mm.</p> <p>- Góc cổ chuỗi: 135° cổ côn 12/14 mm</p> <p>- Chuôi dạng có lớp phủ Titanium alloy Plasma Spray đầu gắn, với thiết kế hình nêm cả hai chiều</p> <p>* Đầu chòm Bipolar:</p> <p>- Vật liệu: REX Steel/PE.</p> <p>- Kích cỡ tối thiểu từ: 41 – 55 mm với mỗi bước tăng tối đa 1 mm</p> <p>- Đầu chòm có thiết kế tự định vị tâm xoay</p> <p>* Chòm khớp: Vật liệu REX Steel</p>	Bộ	20
77	23BV-G14-69	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng	<p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy Plasmе Spray</p> <p>- Kích cỡ chuỗi: 1 đến 10</p> <p>- Chiều dài chuỗi tối thiểu từ: 130 đến 190mm.</p> <p>* Đầu chòm Bipolar:</p> <p>- Vật liệu: REX Steel/PE.</p> <p>- Kích cỡ tối thiểu từ: 41 – 55 mm với mỗi bước tăng tối đa 1 mm</p> <p>- Đầu chòm có thiết kế tự định vị tâm xoay</p> <p>* Chòm khớp: Vật liệu REX Steel</p>	Bộ	20
78	23BV-G14-70	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate	<p>1. Đầu: Bên trong là Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), Vòng khóa an toàn bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), các size tối thiểu từ 39 - 65mm</p> <p>2. Đầu xương đùi:</p>	Bộ	20

			<p>Kích cỡ: 22mm đến 32mm.</p> <p>3. Cuồng xương đùi: Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp calcium phosphate phủ ngoài dày khoảng 15µm. Có rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có kích cỡ tối thiểu từ 115-190mm. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14. Offset từ 38-45mm</p>		
79	23BV-G14-71	Khớp háng bán phần không xi măng	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gần. Kích cỡ chuôi: có tối thiểu 10 cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2.5mm. Chiều dài chuôi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm;</p> <p>2. Chòm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu có tối thiểu ø28 mm;</p> <p>3. Đầu chòm bán phần: vật liệu kim loại kích cỡ tối thiểu từ 39mm đến 60 mm, bước tăng tối đa 1mm;</p> <p>4. Lót đầu chòm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có tối thiểu 4 cỡ tương ứng.</p>	Bộ	10
80	23BV-G14-72	Khớp háng bán phần chuôi dài, cổ rời, cong ở đầu xa	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Ti6Al7Nb, thiết kế chuôi có những rãnh dọc với cấu trúc bề mặt phun dạng cát. Phần cổ rời quay được 360°, dài tối thiểu từ 50mm đến 70 mm. Kích cỡ chuôi: ø13 đến ø22 mm, có tối thiểu 10 cỡ. Chiều dài chuôi: ≤ 200 mm và cong ở đầu xa. Góc cổ chuôi: 127° đến 130°;</p> <p>2. Đầu Chòm xương đùi: vật liệu CrCo, với đường kính ø28 mm. Đầu chòm bán phần: vật liệu kim loại kích cỡ tối thiểu từ 39mm đến 60 mm, bước tăng tối đa 1mm;</p> <p>3. Lót đầu chòm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có tối thiểu 4 cỡ tương ứng.</p>	Bộ	30
81	23BV-G14-73	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ titanium plasma (TPS)	<p>1. Chuôi khớp không xi phủ titanium plasma (TPS) chiều dài tối thiểu từ 105 đến 164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 37 đến 54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ tối thiểu từ 30 đến 40mm, độ rộng phần đầu xa đuôi chuôi 4 đến 18mm. Góc cổ chuôi 127 độ</p> <p>2. Chòm xương đùi CoCr gồm các size đường kính tối thiểu từ 22mm đến 28mm với chiều dài Offset 0/+3.5mm, -3.5mm/0/+3.5mm</p> <p>3. Đầu chòm lắp sẵn khóa gồm có đầu chòm titanium và lót chất liệu PE, gồm các size 38/22 đến 58/28mm</p>	Bộ	10
	23BV-G14-74	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo		Bộ	
82	23BV-G14-74.1	Lưỡi cắt đốt cao tần	<p>Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt</p> <p>Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. Độ gấp góc 30 đến 90</p>	Cái	50
83	23BV-G14-74.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	<p>Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mô nội soi khớp. Vật liệu: nhựa có bộ chíp điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy.</p> <p>Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến</p>	Cái	50

Handwritten mark

			200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút		
84	23BV-G14-74.3	Lưỡi bảo khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5 đến 5.5 mm. Dùng 1 lần, bảo cất lọc mô xơ, thiết kế rỗng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt, có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật.	Cái	50
85	23BV-G14-74.4	Vít treo gân có thể tự điều chỉnh độ dài.	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kĩ thuật All inside Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE UPS 6 fiber suture, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Kích thước thanh treo: 4x12mm Lực kéo khoảng 1144 Newton Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	Cái	100
86	23BV-G14-74.5	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp.	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), bề rộng chỉ 1.40 mm, Lực kéo 576.12 N/mm2. Cổ định mô mềm trong nội soi khớp	Sợi	50
	23BV-G14-75	Bộ nội soi cắt lọc		Bộ	
87	23BV-G14-75.1	Lưỡi cắt đốt cao tần	Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt Bề mặt diện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp. Độ gập góc 30 đến 90	Cái	50
88	23BV-G14-75.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa có bộ chip điều khiển được dòng nước : tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	50
89	23BV-G14-75.3	Lưỡi bảo khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bảo rộng cho phép bảo được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5 đến 5.5 mm. Dùng 1 lần, bảo cất lọc mô xơ, thiết kế rỗng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt, có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước giúp dễ thao tác trong quá trình phẫu thuật.	Cái	50
		7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp			
90	23BV-G14-N3-121	Bộ hút huyết khỏi mạch vành	- Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". - Loại 6F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071". - Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm - Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. - Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm - Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chân xạ là 3.0 mm. - Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 60ml/45giây hoặc 1.33ml/giây. - Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 x catheter hút huyết khỏi 6F hoặc 7F; 1 x dây thăm dò cứng; 1 x ống tiêm hút 60ml; 2 x giỏ lọc; 1 x dây nối van khóa vòi 1 hướng	Bộ	20

91	23BV-G14-76	Quả lọc máu cho người lớn, trẻ em	<p>Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone, có tính tương thích sinh học cao.</p> <p>Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12.</p> <p>Diện tích bề mặt: 0.25m²/ 0.68m²</p> <p>Thể tích dịch mỗi (Circuit): 45ml/ 137ml</p> <p>Áp lực tối đa: 66kPa</p> <p>Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.</p>	Quả	70
92	23BV-G14-N1-137	Bóng nong mạch vành áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực 6atm - 20atm. - Đầu tip ngắn, đầu vào vị trí tổn thương 0.017". - Có vạch kép đánh dấu (marker) platinum iridium. - Thiết kế thân trong cấu tạo Bi-segment. - Thân ngoài chất liệu Slope, phủ Hydrophilic giúp làm giảm ma sát trên thân catheter. - Đường kính: 2.0mm đến 30mm. - Chiều dài catheter Monorail: 143cm ± 3cm 	Cái	80
93	23BV-G14-N1-138	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại siêu nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực 6atm - 18atm. - Đường kính vượt qua tổn thương: 0.66mm (0.026") - Chất liệu bóng: OptiLEAP, phủ ZGlide Hydrophilic. - Có vạch đánh dấu chắn xạ Platinum iridium. - Đường kính tối thiểu: 1.2mm đến 4.0mm, có tối thiểu 10 kích thước đường kính, chiều dài tối thiểu: 8mm đến 30mm có tối thiểu 5 kích thước chiều dài - Chiều dài catheter: 143cm đến 144cm có tối thiểu 2 kích thước chiều dài 	Cái	50
94	23BV-G14-N1-156	Bóng nong mạch vành và cầu nối	<p>Bóng nong mạch vành và cầu nối, chịu áp lực bình thường 7atm, áp lực vỡ bóng 14atm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính đầu vào 0.017". - Chiều dài thân hữu dụng Catheter bóng 140 cm - Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Thiết kế: hypotube, có lớp phủ ái nước xen kẽ cho đường kính 1.25-2.0mm, lớp phủ kỵ nước xen kẽ cho đường kính 2.5-4.0 mm - Vật liệu bóng làm bằng Polymer. - Bóng có 2 nếp gấp và 1 marker hoặc 3 nếp gấp và 2 marker. - Thân bóng với đường kính 1.25- 2.0 mm có lớp phủ đan xen ái nước. - Thân bóng với đường kính 2.5 - 4.0 mm có lớp phủ đan xen kỵ nước. - Điểm đánh dấu (Marker): Platinum-Iridium. - Điểm đánh dấu ở thân: 92 cm từ đầu tip (đi đường cánh tay), 102 cm từ đầu tip (đi đường đùi) - Kích thước khác nhau: đường kính tối thiểu 7 kích thước từ 1.25 đến 4.0 mm; chiều dài tối thiểu 5 kích thước từ 6 đến 30 mm 	Cái	20
95	23BV-G14-N1-157	Bóng nong mạch vành áp lực cao	<p>Bóng nong mạch vành áp lực cao:</p> <p>Chịu áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng tới 18atm hoặc 20atm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính đầu vào bóng 0.018". - Chiều dài thân hữu dụng bóng 145cm. - Guiding tương thích 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" 	Cái	90

62

			<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu bóng làm bằng Polymer - Bóng có 3 nếp gấp. - Điểm đánh dấu: Platinum-Iridium. - Dù kích thước khác nhau: đường kính tối thiểu 10 kích thước khác nhau từ 2.0 đến 5.0 mm; chiều dài: tối thiểu từ 8 đến 30 mm. 		
96	23BV-G14-N2-160	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> Đường kính đầu tip nhỏ 0.41mm (0.016"). Đầu tip hình nón. Với Crossing Profile đạt 0.024"- 0.032" tùy đường kính bóng. Phủ lớp ải nước. Điểm đánh dấu bằng vàng. Chiều dài Catheter: 142 cm. Đường kính tối thiểu 11 cỡ phân biệt từ 2.0 đến 5.0. chiều dài tối thiểu 6 kích thước từ 6 đến 27mm; Bóng có nếp gấp: đường kính 2.0 đến 5.0mm. có từ 3 đến 5 nếp gấp. 	cái	50
97	23BV-G14-N3-139	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> - Khâu kính vào tổn thương 0.016" - Khâu kính băng qua tổn thương 0.028" - Bóng nong được đến áp lực 35 bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp. Đầu tip dài 4 mm - Bóng gồm ca loại 2 nếp gấp và 3 nếp gấp - Đường kính tối thiểu 7 kích thước từ 1.5 đến 4.5mm; dài 10 đến 20mm 	Cái	80
98	23BV-G14-N3-151	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng áp lực cao. Áp suất 12 bar; 22-24 bar -Chất liệu bóng Polyamide, 3 nếp gấp -Tương thích với guiding catheter 5F. -Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) - Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.7F (0.90mm). -Catheter dài 154cm. Xếp bóng 3s -Phủ lớp ải nước. Đầu tip thuận, dài 3mm. - Đường kính bóng tối thiểu 8 kích thước từ 2.0 đến 4.5mm. Tối thiểu 5 kích thước chiều dài từ 5 đến 20mm 	Cái	80
99	23BV-G14-N3-152	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng bán áp lực cao. Áp suất 6 bar; 16 bar -Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, 3 nếp gấp -Tương thích với guiding catheter 5F và 6F -Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm); đường kính đầu xa bóng 0.023"(0.58mm); đường kính đầu gần bóng 0.025"(0.63mm) - Đầu gần thân 1.9F(0.64mm), đầu xa thân 2.6F (0.86mm). -Catheter dài 154cm. Xếp bóng 3s -Phủ lớp ải nước. Đầu tip thuận, dài 3mm. - Đường kính bóng tối thiểu 6 kích thước từ 1.5 đến 4.0mm, tối thiểu 4 kích thước chiều dài từ 10 đến 30mm 	Cái	50
100	23BV-G14-N3-161	Bóng nong mạch vành áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tip 0.017" . Chất liệu bóng polyamide, Bóng có marker chất liệu tungsten/iridium. Bóng có 2 loại 1 nếp gấp và 2 nếp gấp. Đường kính đầu xa: 2.55F, đầu gần: 1.9F, Crossing profile:0.025"-0.063". Chiều dài thân catheter khả dụng: 140cm. Đường kính từ 1.5-4.0mm, Chiều dài từ 2.0- 40mm 	Cái	50
101	23BV-G14-N6-165	Bóng nong mạch vành áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu bóng Pebax. Đường kính trục 2.55F (1.5-2.75mm), 2.7F (3.00-4.00mm), 1.9F, trục phủ PTFE. Chiều dài có thể sử dụng ≤142cm. Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường ≤6atm, áp lực gây vỡ bóng ≥16atm. áp lực gây vỡ bóng trung bình ≥20atm. Phủ lớp dầu. Dầu mềm thon giảm tổn thương. Kích thước tối thiểu 7 kích thước: Đường kính bóng từ 2.00 đến 2.50mm, chiều dài từ 10 đến 25mm 	cái	60

102	23BV-G14-N6-166	Bóng nong mạch vành áp lực cao	<p>Chất liệu bóng Nylon Đường kính trục 2.7F, 1.9F. Chiều dài có thể sử dụng $\leq 142\text{cm}$. Trắc diện đi qua tổn thương 0.016". Tương thích với Guidewire 0.014". Tương thích với Catheter 5F. Áp lực thường $\leq 10\text{atm}$, áp lực gây vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$, áp lực gây vỡ bóng trung bình $\geq 26\text{atm}$. Phủ lớp dầu.</p> <p>Có tối thiểu 19 kích thước: Đường kính bóng từ 2.50 đến 4.00mm, chiều dài từ 10 đến 25mm</p>	cái	90
103	23BV-G14-N1-177	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic <p>Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J.</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính tối thiểu 3 kích thước từ: 0.025" đến 0.038" 	Cái	100
104	23BV-G14-77	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 0.010 inch đến 0.014 inch - Lớp phủ Hydrophilic dài ≤ 170 cm - Lớp phủ polymer dài ≤ 150 cm - Độ hiển thị đầu tip dài: 3, 5 cm - Đầu tip loại thẳng, cong tròn, góc 90 độ - Chiều dài 200cm đến 300cm. 	Cái	50
105	23BV-G14-78	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	<p>Dây dẫn ái nước, chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014", dài 205 cm, đầu mềm quần lò xo platinum dài 5cm.</p> <p>Dùng với vi ống thông và coils để làm can thiệp thần kinh phòng động mạch máu não.</p>	Cái	50
106	23BV-G14-79	Dây dẫn đường cho Catheter	<p>Lớp phủ polymer thân nước tăng khả năng bôi trơn.</p> <p>Trục xa đàn hồi và được phủ lớp lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời.</p> <p>Đầu tip cân quang dài 3cm đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc.</p> <p>Đường kính 0.032 đến 0.038". Chiều dài tối thiểu từ 150 đến 260cm.</p>	Cái	500
107	23BV-G14-80	Dây dẫn can thiệp loại rất cứng, dùng cho can thiệp mạch máu hoặc can thiệp động mạch chủ	<p>Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên.</p> <p>Chất liệu trục: thép không gỉ, phủ: PTFE.</p> <p>Đầu tip linh hoạt, chống tổn thương, đầu xa có thể tạo hình 3cm. Loại đầu tip thẳng hoặc chữ J</p> <p>Đường kính: 0.035", 0.038".</p> <p>Chiều dài: tối thiểu từ 75cm đến 260cm.</p>	Cái	10
108	23BV-G14-81	Dây dẫn đường(guide wire) can thiệp mạch ngoại biên, loại ái nước	<p>Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm đến 300cm</p> <p>Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. Lớp phủ: ICE ái nước được phủ trên 8cm đến 12 cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. Đầu tip cân quang dài 2cm (Đầu tip cân quang cho hình ảnh rõ nét hơn). Tip load: 6 gr, 8 gr. Loại đầu: thẳng và cong.</p> <p>Đầu tip có cấu trúc xoắn, cuộn linh hoạt.</p>	Cái	30
109	23BV-G14-82	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp ĐM cảnh	<p>Chiều dài khoảng: 190cm đến 300cm. Đầu dây dẫn Platinum dạng xoắn, cuộn linh hoạt có cân quang. Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm.</p> <p>Chất liệu trục: thép không gỉ. Lớp phủ: PTFE, đường kính $\geq 0.014"$, profile xuyên qua: 3.2F. Nguyên liệu lưới lọc: Polyurethane, có móc chặn xạ Nitiloop, kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron.</p>	Cái	15

Handwritten signature

110	23BV-G14-N1-199	Vi dây dẫn đường cho bóng và Stent loại dành cho tổn thương hẹp khít	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm Vật liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Phần lõi: đoạn gần bằng thép không rỉ, đoạn xa Nickel - Titanium + Lớp cuộn: Platinum và thép không rỉ Lớp phủ ngoài: <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn xa có lớp cuộn : Lớp phủ ái nước. - Cho đoạn gần: phủ PTFE và Silicone Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: <ul style="list-style-type: none"> - không đánh dấu - một dấu - hai dấu - Kích thước: 0.014" x 180cm 	Cái	100
111	23BV-G14-N2-201	Dây dẫn đường can thiệp	Dây dẫn ái nước, lõi thép không gỉ, đầu tungsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài tối thiểu 3 kích thước từ: 135 đến 190cm	Hộp	35
		7.2 Lọc máu, lọc màng bụng			
112	23BV-G14-84	Quá lọc thận nhân tạo	<p>Chất liệu màng Polysulfone hoặc tương đương</p> <p>Chất liệu vỏ quả: Polycarbonate/ Polyurethane hoặc tương đương</p> <p>Diện tích màng lọc $\geq 1,5 \text{ m}^2$</p> <p>Hệ số siêu lọc (KUF): $\geq 18 \text{ ml/h/mmHg}$</p> <p>Phương pháp khử trùng bằng tia điện tử hoặc tương đương</p> <p>Với tốc độ bơm máu: 200 ml/min thì hệ số lọc Urea ≥ 193, Creatinine ≥ 184, Phosphate ≥ 166, Vitamin B12 ≤ 111.</p> <p>Độ dày của màng ≥ 40; Đường kính trong ≥ 200; Thể tích môi ≤ 87</p>	Quả	10.000
113	23BV-G14-N6-216	Quá lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<p>Vật liệu vỏ Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ là các hạt có bản chất là Styren divinyl benzen copolymer. Thể tích hấp phụ: 130mL. Thể tích khoang máu: 114 mL. Diện tích hấp phụ: 52.000 m². Nội trở: 4kPa. Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút. Áp suất chịu đựng: 100kPa. Độ chịu lực của hạt: 8,1N. Đai hấp phụ: 5~30kDa. Năng lực hấp phụ sau 2h trên invivo: PTH: 53,4%; MG: 44,7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21,8%~31,5% hoặc tương đương</p>	Quả	500
		7.4 Tiêu hóa			
114	23BV-G14-85	Bộ mở thông dạ dày qua da	<p>1. Bộ kim khâu cố định da và dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi khâu y tế - Bộ kim khâu 02 mũi kim làm bằng thép không gỉ, có bộ phận xoay để đưa chi khâu vào dạ dày, rọ bắt chi khâu 02 chức năng đóng và mở - Tổng chiều dài của bộ kim khâu 230 mm ± 10mm - Chiều dài làm việc của kim khâu 80 mm ± 5mm - Với bộ kim khâu cố định da và dạ dày tránh được việc dịch vào giữa da và dạ dày gây ra viêm phúc mạc <p>2. Bộ kim mở thông dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim mở thông dạ dày làm bằng thép không gỉ - Trên thân kim mở thông dạ dày 02 chức năng: khoá và mở khoá mũi kim - Có vỏ bọc để dẫn đường đưa ống thông vào dạ dày. 	Bộ	20

			<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài của vỏ bọc 100mm ± 5mm, vỏ bọc kim PS 02 chức năng khoá và mở khoá - Mũi kim có chức năng tự động rút lại: khi vừa qua da và thành da dày đầu tiên lực cán mất đi, mũi kim tự động rút lại tránh nguy cơ mũi kim đâm vào thành sau của da dày - Đường kính vỏ bọc 7.4mm ± 1mm <p>3. Ống thông nuôi ăn dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối ống có dung tích 10ml, Chiều dài 22.5cm ± 1cm - Ống thông nuôi ăn có kích thước 20Fr tạo lỗ nuôi ăn nhỏ hơn chế tối đa tổn thương da và dạ dày - Ống thông có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng cho việc cố định bên trong dạ dày - Có miếng cố định để cố định ống thông nuôi ăn dạ dày, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn 		
115	23BV-G14-86	Lưới thoát vị 15x15	<p>Miếng lưới và thoát vị bẹn, thành bụng cỡ 15x15cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: Sợi Monofilament Polypropylene * độ dày 0.5mm chịu được áp lực và kháng lực cao * Kích thước lỗ: 1.2*0.9 mm * Trọng lượng: 57 g/m² * Độ bền (Lực căng đứt): 750.0 kPa, Độ bền kéo thẳng (lực căng kéo thẳng) : Dọc 275N; Ngang 250N không dính, trong suốt, mềm mại, chắc chắn. 	Cái	300
116	23BV-G14-87	Rọ lấy sỏi	Rọ gấp sỏi có cấu tạo chủ yếu là tay cầm, giá đỡ, lõi trong và các cánh rọ.	Cái	90
		7.6 Chấn thương, chỉnh hình			
117	23BV-G14-88	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	<p>Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống loại 2 bóng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * 01 dao chích da vô trùng thì đầu số 11, hình dáng phù hợp với kỹ thuật bơm xi măng * 01 bộ kit bơm xy măng 2 bóng gồm các thành phần: <ul style="list-style-type: none"> +/- 02 bộ kim chọc dò cuống sống kích thước 11G/13G, gồm vỏ và nòng (vỏ có vạch chia để xác định độ sâu, 1 nòng kim đầu dạng vát nhọn, 1 nòng kim đầu dạng vát kim cương). Cán cầm thiết kế nhỏ gọn với hệ thống khóa, vạch dẫn hướng, thân kim và ống chất liệu thép không gỉ. Kim có chiều dài hoạt động 120 ± 10mm, chiều dài toàn bộ 170 ± 10mm +/- 01 Dụng cụ khoan thân đốt sống: chiều dài hoạt động 182 ± 10mm, chiều dài tổng thể 217 ± 10mm, đường kính 3mm, thân khoan có vạch chia để xác định độ sâu khi khoan. +/- 02 Bóng nong thân đốt sống: có các cỡ tối thiểu từ 10 đến 20mm, áp lực tối đa đến 400 PSI +/- 01 bộ dụng cụ bơm đẩy xy măng: gồm 6 kim và 04 xy lanh dung tích 2.5 ml +/- Bơm bóng có đồng hồ đo áp lực: 02 cái * Bộ trộn xy măng dạng bi lắc dung tích 90cc, có thể kết nối với xy lanh phù hợp để hút xi măng ra. * 01 gói Xi măng sinh học cột sống độ nhớt 	Bộ	50

Handwritten signature

			<p>thấp dựng sẵn trong bộ trộn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm 20g bột có thành phần 67,50% Polymethylmethacrylate, 30% Barium sulphate, 2,5% Benzoyl peroxide dựng sẵn trong ống trộn xi măng và 9,4g chất lỏng có thành phần 99,1% Methylmethacrylate, 0,9% N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone 75 ppm. - Thể tích xi măng sau khi trộn là 22,6 cc. - Thời gian trộn 60 giây, thời gian đợi 5 phút và thời gian làm việc của xi măng khoảng 10 phút. 		
118	23BV-G14-89	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	<p>Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * 01 dao chích da vô trùng thì đầu số 11, hình dáng phù hợp với kỹ thuật bơm xi măng * 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát chất liệu thép AISI 304 và nhựa ABS, thân kim chia vach, cỡ 11G (3mm), dài 150mm, có cơ chế khóa và tay cầm chắc chắn. Độ dài đầu vát 2,35 mm * 01 bộ bơm áp lực dây xi măng dạng pittong xoắn, dung tích 10cc * 01 gói Xi măng sinh học cốt sống độ nhớt thấp dựng sẵn trong bộ trộn: - Bao gồm 20g bột có thành phần 67,50% Polymethylmethacrylate, 30% Barium sulphate, 2,5% Benzoyl peroxide dựng sẵn trong ống trộn xi măng và 9,4g chất lỏng có thành phần 99,1% Methylmethacrylate, 0,9% N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone 75 ppm. - Thể tích xi măng sau khi trộn là 22,6 cc. - Thời gian trộn 60 giây, thời gian đợi 5 phút và thời gian làm việc của xi măng khoảng 10 phút 	Bộ	50
119	23BV-G14-90	Bộ dụng cụ bơm xi măng loại có bóng (Bao gồm xi măng)	<ul style="list-style-type: none"> - 02 Bóng nong thân đốt sống, chiều dài ban đầu của bóng là 10mm đến 20mm, bóng chịu lực tối đa 300psi, có hai điểm can quang kiểm soát độ sâu. Thể tích tối đa 3cc đến 7cc, đường kính tối đa khi bơm phồng là 14mm đến 19mm, chiều dài tối đa khi bơm phồng là 16mm đến 34mm. - 02 Bơm áp lực có đồng hồ đo áp suất dạng Xi lanh có đồng hồ cơ thể hiện áp lực, có tay cầm và đòn bẩy giúp điều chỉnh tăng giảm áp suất, dung tích chứa 20ml. Hiện thị áp suất tối đa đo được là 350psi. - 02 Ống dẫn hướng trong dạng rỗng nòng để dẫn mũi khoan, vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài khả dụng 160 ± 10mm, tổng chiều dài 175 ± 10mm, đường kính thân ống 3,8mm, đường kính mũi vát 2mm. 2 Ống dẫn hướng ngoài dạng rỗng nòng để dẫn mũi khoan, vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài khả dụng 136 ± 10mm, tổng chiều dài 157 ± 10mm, đường kính trong 3,8mm, đường kính ngoài 4,3mm. 2 Thanh định vị (chốt dây) dạng tròn bằng thép không gỉ, chiều dài 270mm, đường kính 1,8mm, có tác dụng chốt dẫn hướng cho ống dẫn hướng sau khi dò cuống sống bằng kim dò. - 02 Kim mũi khoan tạo đường hầm dạng vát, vật liệu nhựa và thép không gỉ, tổng chiều dài 236 ± 10mm, chiều dài khả dụng 209 ± 10mm, chiều dài phần ren 30mm, đường kính 3,5mm. - 06 Kim chứa và chọc dây Xi măng vào 	Bộ	50

			<p>thân đốt sống, vật liệu nhựa và thép không gỉ. Thanh dây xi măng có tổng chiều dài 258 ± 10mm, chiều dài khả dụng 223 ± 10mm, đường kính 3mm. Ống chứa xi măng có tổng chiều dài 223mm, đường kính trong 3.1mm, đường kính ngoài 3.5mm.</p> <p>Xi măng xương kèm dung dịch pha. Đóng gói bao gồm: 20g xi-măng sinh học và 8.5g dung dịch pha.</p> <p>Thành phần bột Xi-măng: Poly-methylmethacrylate: 7.70g; Zirconium dioxide: 12.00g; Benzoyl Peroxide: 0.30g; thành phần dung dịch pha: Methyl methacrylate (monomer) 8.436g, N,N-dimethyl para toluidine 0.064g, hydroquinone 150ppm. Thời gian đông cứng: từ 7 - 14 phút tùy theo nhiệt độ phòng.</p>		
120	23BV-G14-91	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng	<p>- 01 Bộ trộn và bơm dây xi măng</p> <p>- 02 Kim chọc dò cán chữ T, mũi vật 1 bên: Bao gồm kim mũi vật, cán chữ T và nòng (trocar) vật liệu nhựa và thép không gỉ, Ống kim có chiều dài khả dụng 115mm, tổng chiều dài ống 136mm, đường kính trong 2mm, đường kính ngoài 3mm ; Lõi kim chiều dài khả dụng 139 ± 5mm, tổng chiều dài 153 ± 5mm; đường kính 2mm.</p> <p>- Xi măng xương kèm dung dịch pha: Thành phần Xi-măng: Poly-methylmethacrylate: 7.70g; Zirconium dioxide: 12.00g; Benzoyl Peroxide: 0.30g. Đóng gói bao gồm: 20g xi-măng sinh học và 8.5g dung dịch pha. Thời gian đông cứng: từ 7 - 14 phút tùy theo nhiệt độ phòng.</p>	Bộ	50
121	23BV-G14-92	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 1 bóng kép)	<p>- Kim chọc dò cuống sống (taro) 7G, đường kính 3.6mm</p> <p>- Gói xi măng sinh học gồm: + 24 g bột gồm (Poly MMA 10.95g, Poly MA, MMA, 1.75g, Zirconium dioxide 10.80g, Benzoyl peroxid 0.50g), + 10ml dung dịch pha gồm (MMA 9.93 ml, Dimethyl-p-toluidine 0.07ml, Hydroquinone 60 ppm)</p> <p>- Kim chọc bơm xi măng độ dài 25cm, thể tích 1.5ml.</p> <p>- Bộ bóng nong kép cỡ 2×8mm kèm đồng hồ đo áp lực từ 0 đến 30 Bar; Bơm áp lực dây xi măng 0 - 35ml</p>	Bộ	50
122	23BV-G14-93	Bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao	<p>- Bơm áp lực cao dạng súng, dung tích 15ml, ống bơm xi măng có đầu kết nối bằng thép không gỉ, Bộ trộn xi măng loại tay quay dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đồ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml</p> <p>- Kim chọc dò cán nhựa chữ T, đường kính các loại 11G chiều dài 10cm đến 15cm. Trên thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng. Kim là loại đầu vật</p> <p>- Gói Xi măng sinh học có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g (13.84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (9.96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone).</p>	Bộ	50
123	23BV-G14-94	Bộ bơm xi măng cột sống 2 bóng, vào cuống trực tiếp	+ Bóng nong thân đốt sống các size tùy chọn từ 10mm đến 20mm, dài 20cm, có 2 van riêng biệt, dùng tương thích với cả hai loại bơm áp lực dạng cơ và dạng kỹ thuật	Bộ	50

69

			<p>số. Áp suất tối đa của bóng chịu được 400psi (27 bar).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích tối đa khí bơm phồng gồm 1.8ml đến 5.5ml, đường kính trong ứng từ 14.5mm đến 15.6mm, chiều dài tương ứng từ 11.2mm đến 21.4mm. Khả năng tạo khoang trong thân đốt sống từ 15 đến 25mm kèm 02 Bơm áp lực cho bóng nong thể tích bơm 25ml. - Kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống cho bóng nong loại 11G (đường kính ngoài 3.5mm), chiều dài 15cm - Kim chọc dây xi măng vào thân đốt sống đường kính 2.9mm, chiều dài 20cm, dung tích 1.5ml. - Kim chọc tạo đường hầm vào thân đốt sống đường kính 3.0mm, chiều dài 20cm - Bơm áp lực dây xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Chất liệu khoang chứa xi măng là Polypropylene, phần thân trong chất liệu là Polycarbonate, phần thân ngoài chất liệu là Ethylene- Vinyl Acetate, phần trụ xoay chất liệu thép 304, nút bấm chất liệu là nhựa. Bộ trộn đi kèm gồm: 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc đồng tiết trùng, 01 tấm trải dụng cụ tiết trùng. - Hộp xi măng gồm: 01 gói xi măng có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g (13.84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (9.96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone). 		
	23BV-G14-95	Bộ lưới vá sọ Titan kích thước 77*113mm dùng vít 1.5, 1.6mm (Bao gồm 1 lưới 77*113 và 10 vít)		Bộ	
124	23BV-G14-95.1	Lưới vá sọ Titan Kích thước 77*113mm	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 77x113mm - Vật liệu: titanium (ASTM F-67) - Độ dày 0.6 mm 	Miếng	100
125	23BV-G14-95.2	Vít dùng cố định lưới vá sọ não tự khoan, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu là hợp kim titanium (ASTM F-136) - Đường kính vít: 1,5 đến 1,6 mm - Chiều dài vít: 4,0 mm - Vít tự khoan, tự taro 	Cái	1.000
	23BV-G14-96	Bộ lưới vá sọ Titan kích thước 148*148mm dùng vít 1.5, 1.6mm (Bao gồm 1 lưới 148*148mm và 15 vít)		Bộ	
126	23BV-G14-96.1	Lưới vá sọ Titan Kích thước 148*148mm	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 148*148 mm - Vật liệu: titanium (ASTM F-67) - Độ dày 0.6 mm 	Miếng	100
127	23BV-G14-96.2	Vít dùng cố định lưới vá sọ não tự khoan, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu là hợp kim titanium (ASTM F-136) - Đường kính vít: 1,5 đến 1,6 mm - Chiều dài vít: 4,0 mm 	Cái	1.500
		7.7 Huyết học, truyền máu			
128	23BV-G14-97	Bộ kit thu nhận tiêu cầu đơn (đã bao gồm túi chống đông ACD-A)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ kit thu nhận tiêu cầu hoàn toàn - Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 17G có nắp đậy, có bộ phận bảo vệ đầu kim 	Bộ	200

			<ul style="list-style-type: none"> - Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp dậy - Bâu ly tâm: dung tích 225ml - Có túi chống đông ACD-A tỷ lệ 1:9, dung tích ≥ 500ml đi kèm - Các dây dẫn có chỉ thị màu - Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về - Đường dẫn độc lập dành có chất chống đông và đường dẫn máu - Các bộ phận của bộ kit đã được ghép nối kín với nhau không cần hàn gắn khi sử dụng. - Túi tiểu cầu làm bằng chất liệu CPP - Bộ kit chỉ sử dụng 1 kim - Bộ kit bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kim lấy máu và trả máu về: 1 cái + Kim kết nối với túi chống đông: 1 cái + Bâu ly tâm Latham: 1 cái + Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không 50ml: 1 túi + Bộ phận lọc khí truyền đường truyền máu: 1 bộ + Túi đựng sản phẩm tiểu cầu 1000ml: 1 túi + Túi đựng sản phẩm huyết tương 1000ml: 1 túi + Túi khí cân bằng áp suất 600ml: 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu 90ml: 1 túi 		
129	23BV-G14-98	Bộ kit thu nhận tế bào gốc, gan tách tiểu cầu, bạch cầu điều trị 125ml (đã bao gồm túi chống đông ACD ≥ 500 ml)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ kit thu nhận tế bào gốc máu ngoại vi hoặc điều điều trị giảm tiểu cầu, bạch cầu - Kim lấy máu: dạng kim cánh bướm, kích thước 16G - Kim kết nối với túi chống đông: dạng kim nhựa có nắp dậy - Bâu ly tâm Latham: dung tích 125ml - Có túi chống đông ACD-A, dung tích ≥ 500ml đi kèm - Có bộ phận lọc khí trên đường truyền máu và trả máu về <p>Bộ kit gồm 4 túi và 5 kẹp chi tiết như sau:</p> <p>Túi 1: Túi chứa máu toàn phần cho xét nghiệm sàng lọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích 50ml + Tích hợp holder và kim lấy mẫu chân không + Có 1 kẹp để khóa túi mẫu khi lấy đủ thể tích mẫu. <p>Túi 2: Túi huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích 1000 ml <p>Túi 3: Túi bảo quản PBSC</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích 1000 ml + Có 1 kẹp để tránh các thành phần máu vào bộ lọc trước khi lọc <p>Túi 4: Dụng và bảo quản sản phẩm tế bào gốc máu ngoại vi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích 600ml + Có 1 kẹp khóa khi thu nhận xong <ul style="list-style-type: none"> - Đường ống gắn kim lấy máu có 1 kẹp gắn đầu kim - Trên đường ống cam biến áp lực ven người hiến và cam biến áp suất hệ thống có 2 kẹp 	Bộ	300
130	23BV-G14-99	Bộ kit pool tiểu cầu lọc bạch cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ kit phù hợp với phương pháp lọc bạch cầu cho khối tiểu cầu pool được điều chế từ Buffy-Coat. - Có túi lưu mẫu tiểu cầu sau điều chế - Có thể sử dụng túi huyết tương hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu - Bộ lọc bạch cầu bằng nhựa cứng giúp ổn 	Bộ	2.000

			<p>dịnh màng lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi chứa tiểu cầu sau lọc bạch cầu được làm bằng chất liệu PVC-TOTM giúp bảo quản tiểu cầu đến 5 ngày. Thể tích thực 1.500ml - Có van khóa dạng bẻ ở túi pool tránh thành phần máu tràn vào bộ lọc trước khi điều chế tách. - Năng lực lọc: lượng bạch cầu tồn dư < 1×10^6 - Tỷ lệ thu hồi tiểu cầu sau lọc: > 85% - Bộ túi gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ống nối dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu hoặc huyết tương: 01 cái + Ống pool: 06 cái + Túi pool trước lọc bạch cầu: 01 cái + Bộ lọc bạch cầu: 01 cái + Túi chứa tiểu cầu sau lọc bạch cầu: 01 cái + Khóa kẹp: 06 cái + Túi lấy mẫu tiểu cầu sau khi lọc bạch cầu: 01 cái + Van khóa dạng bẻ ở túi pool trước lọc: 01 cái 		
131	23BV-G14-100	Bộ lọc bạch cầu cho hồng cầu trong phòng điều chế	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với phương pháp điều chế tại Labo - Có túi bao quản hồng cầu - Có thể sử dụng huyết tương hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu - Bầu đếm giọt có màng lọc giúp ngăn ngừa cục máu đông vào bộ lọc tránh gây tắc bộ lọc Năng lực lọc: lượng bạch cầu tồn dư < 1×10^6 - Tỷ lệ thu hồi hồng cầu sau lọc: > 85% - Bộ kit bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kim kết nối với khối hồng cầu: 01 cái + Bầu đếm giọt có màng lọc: 01 cái + Khóa kẹp: 03 cái + Ống rẽ nhánh: 01 cái + Túi bao quản hồng cầu: 01 cái + Bộ lọc bạch cầu: 01 bộ 	Bộ	100
132	23BV-G14-101	Bộ dụng cụ gộp khối tiểu cầu và lọc bạch cầu	<p>1. Tính năng kỹ thuật chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ kit được tiệt trùng và đóng gói riêng biệt trong túi trong suốt, có vị trí bóc dễ dàng - Phù hợp với phương pháp pool tiểu cầu từ BuffyCoat tại Labo - Có túi lưu mẫu tiểu cầu sau điều chế - Có thể sử dụng huyết tương cùng nhóm máu hoặc dung dịch nuôi dưỡng tiểu cầu để tráng tiểu cầu và bổ sung thể tích. - Bộ lọc bạch cầu có vỏ mềm với màng lọc sợi polyester không dệt - Có các đầu kết nối với túi BuffyCoat và dung dịch nuôi dưỡng phù hợp bằng phương pháp nối vô trùng - Có van khóa dạng bẻ ở túi chuyển tránh thành phần máu tràn vào bộ lọc trước khi điều chế tách tiểu cầu và lọc bạch cầu <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu màng lọc: sợi polyester không dệt - Tồn hao qua phin lọc $\leq 8\text{ml}$ - Thời gian lọc hiệu quả: Trong 20h kể từ khi lấy máu - Thời gian lọc trung bình: 3 phút - Năng lực lọc (số lượng bạch cầu còn lại trong túi chế phẩm) $\leq 1 \times 10^6$ <p>Bộ kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đầu kết nối với túi Buffycoat : 6 cái + Đầu kết nối với dung dịch nuôi dưỡng 	Bộ	2.000

			tiều cầu: 1 cái + Khóa kẹp: 2 cái + Van khóa dạng bẻ ở túi pool: 1 cái + Túi pool trước lọc bạch cầu : 1 túi + Túi bảo quản tiều cầu, thể tích thực 1300ml: 1 túi + Phin lọc bạch cầu vỏ mềm với màng lọc sợi Polyester không dệt: 1 bộ + Túi lấy mẫu tiều cầu sau khi pool lọc bạch cầu tích hợp kim lấy mẫu chân không, thể tích 100ml: 1 túi		
		8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			
133	23BV-G14-102	Điện cực dẫn điện tim	- Kích thước: 50mm, dạng hình tròn - Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC - Miếng dán: Dạng Foam	Cái	54.000
134	23BV-G14-103	Khóa 3 ngã có dây (25cm)	Khoá 3 ngã, dây dài đến 25cm. Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn	cái	9.000
135	23BV-G14-104	Khóa 3 ngã không dây	Khóa ba ngã không dây nối chất liệu polycarbonat. Không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo - Chịu được áp lực dưới 2 bar	cái	6.000
136	23BV-G14-105	Mask thở oxy có túi	- Nẹp mũi có thể điều chỉnh. - Thông khí an toàn. - Có khóa xoay điều chỉnh làm cho phù hợp với vị trí của bệnh nhân. - Nhựa PVC mềm, trong. - Van kiểm tra điện trở thấp không chứa cao su tự nhiên, ngăn chặn việc thở lại và cho phép khí thở ra thoát ra ngoài.	cái	2.000
137	23BV-G14-106	Filter lọc khuẩn (xanh)	- Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện - Sự kháng (tại 30LPM): 60PA - Không gian chết: 32ml - Thể tích: 250-1500ml - Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9% - Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9% - Trọng lượng: 27,9g	cái	9.000
		Linh kiện và VT không thuộc phạm vi thông tư 04			
138	23BV-G14-107	Bộ đếm loại 1000 lần	- Bộ đếm mới nối dùng cho máy nối dây vô trùng - Chứa 1000 lần nối - Độ dày thành dây có thể sử dụng trên máy hàn: trong khoảng 0.5 đến 0.9mm - Đường kính dây: + Đường kính ngoài : trong khoảng 3.9 đến 4.6mm + Đường kính trong : trong khoảng 2.8 đến 3.1mm - Thời gian nối dây : khoảng 20 giây - Yêu cầu độ dài ống dây khi nối: độ dài ống dây tối thiểu là 10cm - Sử dụng công nghệ hàn nhiệt không tiếp xúc và không sử dụng vật liệu đệm (wafers)	Mỗi nối	5
139	23BV-G14-108	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Giấy điện tim 3 cần, kích thước 63mm x 30cm	Xấp	400
140	23BV-G14-109	Giấy điện tim 6 cần tập	Kích thước 110mm x 140mm x 142-143 tờ hoặc 110mm x 140mm x 200 tờ	Xấp	900
141	23BV-G14-110	Lamen 22x22mm	Mô tả: Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	Chiếc	9.000
142	23BV-G14-111	Lamen 22x40mm	- Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới	Cái	45.000

64

			kinh hiển vi huỳnh quang. - Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x40mm		
143	23BV-G14-112	Huyết áp kế đồng hồ	- 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 đai băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm - 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm - 01 túi đựng giả da	Cái	300
144	23BV-G14-113	Ống nghe	- 01 bộ phận mặt nghe được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC, màu xám	Cái	300
145	23BV-G14-114	Ống bơm tiêm thuốc cân quang 2 nông (Bơm tiêm áp lực đôi 200ml)	- Chất liệu Polyurethane, bền, chắc, chịu được áp lực cao. - Ống bơm với mục đích đựng thuốc cân quang để lắp vào máy CT; MRI; DSA	Bộ	800
146	23BV-G14-115	Mũ phẫu thuật vô trùng	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	9.000
147	23BV-G14-116	Dây garo khóa nhựa	Làm bằng vải ,độ co giãn tốt, có khóa cố định	Cái	9.000
148	23BV-G14-117	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55m	* Mục chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chi * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... * Lớp nền là loại giấy crepe màu be * Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt / râm nắng sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước Kích thước: 24mm x 55m	Cuộn	200
149	23BV-G14-118	Cuộn đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 350 mm x 70 m	- Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. -Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào băng mặt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad - Rộng : 350 mm, dài : 70 m.	Cuộn	60
150	23BV-G14-119	Cuộn đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học 150mmx70m	- Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. -Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào băng mặt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H2O2 trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad - Rộng : 150 mm, dài : 70 m	Cuộn	90
151	23BV-G14-120	Giấy in siêu âm	- Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony - Dung lượng: 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước 110 mm x 20 m	Cuộn	900
152	23BV-G14-121	Áo choàng phẫu thuật	Sử dụng trong phẫu thuật và các trường hợp chỉ định cần mặc áo choàng bảo vệ Thiết kế tối ưu, thuận tiện sử dụng Vật liệu mềm mại, không gây kích ứng da Chống vi khuẩn tích tụ Có vùng tăng cường phía trước và hai cánh tay với độ thấm hút cao	Bộ	500

			<p>40 x 59 cm. Bao gồm các thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Áo choàng tiêu chuẩn, dùng 1 lần may gia cố lớp PE ở phần thân áo, kích thước khoảng 160x135cm (size L) hoặc 150x125cm (size M) - 02 khăn thấm làm từ vật liệu spunlace hoặc tissue paper có độ thấm hút cao, sử dụng trong trường hợp cần thấm hút nhanh dịch tiết, máu hay các loại chất lỏng khác <p>Size: M / L</p>		
153	23BV-G14-122	Đĩa Petri nhựa	Chất liệu nhựa PS trong suốt. Đường kính 90mm. Chiều cao 15mm.	Cái	13.000

Handwritten signature



PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo công văn số 3805 /CV-BVĐKT ngày 24/10/2023)



Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã hàng hoá ⁽¹⁾	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1		Thiết bị A									
2		Thiết bị B									
n		...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Mã hàng hoá theo danh mục yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá đính kèm công văn này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chung loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.